TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ - ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc "***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 02 đường SB, tổ 01, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Trần Hoàng H1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 02 đường SB, tổ 01, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2024, bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Hoàng H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 06 tháng 4 năm 2012. Sau nhiều lần chuyển nơi cư trú, hiện anh chị đang chung sống cùng 02 con chung tại số 02 đường SB, tổ 01,

phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống, chị và anh H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H1 thường xuyên say rượu, đánh và xúc phạm chị trước mặt con cái. Đến hôm nay chị cảm thấy không thể chung sống được nữa nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Hoàng H1.

Về con chung: Chị và anh Trần Hoàng H1 có 02 (hai) con chung là cháu Trần Đại N, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Tiểu M, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2022. Chị có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng cả hai con chung Trần Đại N và Trần Tiểu M và không yêu cầu anh Hạnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh Trần Hoàng H1 tự thỏa thuận về tài sản chung và nghĩa vụ chung phải thực hiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Hoàng H1:

Anh Trần Hoàng H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh H1 trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung của chị Lê Thị Thu H nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn anh Trần Hoàng H1, việc chấp hành theo pháp luật tố tụng còn hạn chế.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H về yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng H1, giao 02 (hai) con chung là cháu Trần Đại N, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Tiểu M, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2022 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Thu H và anh Trần Hoàng H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 06 tháng 4 năm 2012. Hôn nhân của anh chị tuân thủ theo các Điều 9,10,11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân hợp pháp.

Do mâu thuẫn gia đình, chị Lê Thị Thu H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Hoàng H1 đồng thời giải quyết về vấn đề con chung, bị đơn anh Hạnh cư trú trên địa bàn

thành phố P nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh H1 vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quá trình xác minh, chính quyền địa phương không xác định được mâu thuẫn gia đình giữa chị Lê Thị Thu H và anh Trần Hoàng H1. Tuy nhiên, từ thái độ thờ ơ của anh H1 đối với yêu cầu ly hôn của chị H cùng nguyên nhân mâu thuẫn do chị H trình bày cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị rất nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng đã nguội lạnh, anh chị không còn giành cho nhau sự tôn trọng vốn có giữa vợ chồng.

Từ đó có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Trần Hoàng H1 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H, xử cho chị H được ly hôn với anh Trần Hoàng H1.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Trần Hoàng H1 có 02 (hai) con chung là cháu Trần Đại N, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Tiểu M, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2022.

Chị H yêu cầu được nhận nuôi dưỡng các cháu Trần Đại N và Trần Tiểu M. Yêu cầu này phù hợp thực tế các con hiện đang sống với với chị H đồng thời phù hợp với nguyện vọng cháu N. Trên cơ sở đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của các con, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thu H đối với con chung, theo đó giao cả hai con chung Trần Đại N và Trần Tiểu M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con cùng với vấn đề tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án này.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9,10,11, 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thu H

Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Hoàng H1

2. Về con chung:

Giao 02 (hai) con chung là cháu Trần Đại N, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Tiểu M, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2022 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0001725 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Ủy ban nhân dân phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 39 ngày 06/4/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**